TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 109/2020/QĐST-VHNGĐ	*M, ngày 11 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 200/2020/TLST-VHNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ông Phạm Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, Huyện T (nay là thị xã M), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 22/4/2015, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyển số 01/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận việc bà H và ông Th thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ông Phạm Văn Th có 02 con chung là Phạm Văn Gia B, sinh ngày 29/11/2015 và Phạm Văn Gia H, sinh ngày 25/11/2018. Theo sự thỏa thuận của bà H, ông Th thì giao cháu B và cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.500.000đ/tháng/con (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu B và cháu H trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ông Phạm Văn Th mỗi người nộp 150.000đ lệ phí thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ông Phạm Văn Th thuận tình ly hôn.

Về con chung: Theo sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Phạm Văn Gia B, sinh ngày 29/11/2015 và Phạm Văn Gia H, sinh ngày 25/11/2018 cho Bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Phạm Văn Th cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Văn Gia B số tiền 4.500.000đ/tháng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2020 đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi); cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Văn Gia H số tiền 4.500.000đ/tháng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2020 đến khi cháu H trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, Ông Phạm Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không cấp dưỡng số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ông Phạm Văn Th mỗi người nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0001049 ngày 08/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ông Phạm Văn Th đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã M;
- CCTHADS thị xã M;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Thu Hiền